

Số: 1335/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 03 tháng 6 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Ehwa Global ngày 22 tháng 01 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 394/TTr-STNMT ngày 31 tháng 5 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH EHWA GLOBAL địa chỉ tại Lô IN8.1, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy EHWA GLOBAL tại Lô IN8.1, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy EHWA GLOBAL.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô IN8.1, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

1.3. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số doanh nghiệp 0801227806 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 04/3/2022. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số

7618912458 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 22/11/2017, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 18/11/2021.

1.4. Mã số thuế: 0801227806.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm có gắn kim cương như các loại đá mài, mũi khoan, lưỡi cưa và các sản phẩm cắt có gắn kim cương khác; sản xuất, gia công các sản phẩm dây cắt; sản xuất, gia công các bộ phận cấu thành các sản phẩm có gắn kim cương mà dự án sản xuất; sản xuất, gia công bột kim loại các loại dùng trong sản xuất lưỡi cưa; sản xuất, gia công lõi cưa đĩa, phôi đá mài, phôi mũi khoan.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích đất sử dụng: 30.017 m<sup>2</sup>.

- Công suất:

+ Sản xuất, gia công các sản phẩm có gắn kim cương như các loại đá mài, mũi khoan, lưỡi cưa và các sản phẩm cắt có gắn kim cương khác: 5.400.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công các sản phẩm dây cắt: Khoảng 600.000 m/năm.

+ Sản xuất, gia công bộ phận cấu thành các sản phẩm có gắn kim cương mà dự án sản xuất: Khoảng 8.400.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công bột kim loại dùng trong sản xuất lưỡi cưa: Khoảng 60 tấn/năm.

+ Sản xuất, gia công lõi cưa đĩa, phôi đá mài, phôi mũi khoan: Khoảng 360.000 sản phẩm/năm.

+ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối : Doanh thu khoảng 1.200.000 đô la Mỹ/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH EHWA GLOBAL:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH EHWA GLOBAL có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH EHWA GLOBAL;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Bản**

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1335/GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh được thu gom, xử lý, đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH EHWA GLOBAL có trách nhiệm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền do Công ty TNHH VSHIP Hải Dương là chủ đầu tư và vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh khu vực BSL, khu vực đóng gói, khu vực bảo vệ được xử lý sơ bộ bằng bể phốt sau đó theo đường ống dẫn PVC D160 dài 147 m, độ dốc 0,8% để tự chảy về hố bơm chìm  $V=3\text{ m}^3$  của nhà máy, tại đây nước thải được bơm về hố thu của HTXLNT bằng bơm chìm lưu lượng 250 l/phút qua đường ống HDPE D90, dài 57 m.

+ Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh khu vực sản xuất dây, khu vực sơn, khu vực văn phòng được xử lý sơ bộ bằng bể phốt sau đó theo đường ống dẫn PVC D160, PVC D200 có độ dài lần lượt là 57 m và 67,5 m, độ dốc 0,8% để tự chảy về hố bơm chìm  $V=5\text{ m}^3$  của nhà máy.

+ Nước thải từ khu vực nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, thể tích  $V=5\text{ m}^3$ , bên ngoài nhà xưởng theo đường ống dẫn PVC D160, dài 3 m, độ dốc 0,8% để tự chảy về hố bơm nước thải  $V=5\text{ m}^3$  của nhà máy, tại đây nước thải được bơm về hố thu của HTXLNT bằng bơm chìm lưu lượng 250 l/phút qua đường ống HDPE D100, dài 42 m.

- Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất:

+ Nước cho hoạt động dập bụi sơn được sử dụng tuần hoàn không thải ra ngoài môi trường, cụ thể:

Nước từ bể chứa nước → bơm nước → ống nhựa PVC D90, dài 2,5 m → tấm ngưng bằng thép SS 400 (để dập bụi) → bể chứa nước (tuần hoàn).

+ Nước cho xử lý bụi cho máy nung kết, máy ép nóng, máy mài đĩa được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài môi trường, cụ thể:

Nước từ bể chứa nước → bơm nước → ống nhựa PVC D90 → tháp xử lý bụi → bể chứa nước (tuần hoàn).

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ khu vực mài được thu gom vào các thùng nhựa loại 200 lít và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

\* Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải WC nhà bảo vệ, khu văn phòng, khu vực sản xuất dây cắt, khu vực sơn, khu vực BSL, khu vực đóng gói; nước thải nhà bếp sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Cụm bể xử lý vi sinh → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga kiểm tra đạt tiêu chuẩn của Vsip → Đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Cẩm Điền - Lương Điền (dọc theo tuyến đường nội bộ số 04).

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ):  $X_1(m)$ : 2315825;  $Y_1(m)$ : 569880.

- Công suất thiết kế: Bể phốt khu vực sản xuất dây cắt ( $4,5 \text{ m} \times 3 \text{ m} \times 1,5 \text{ m} = 20 \text{ m}^3$ ), bể phốt khu vực sơn ( $4 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 1,5 \text{ m} = 12 \text{ m}^3$ ), bể phốt khu vực BSL ( $4,5 \text{ m} \times 3 \text{ m} \times 1,5 \text{ m} = 20 \text{ m}^3$ ), bể phốt khu vực khu vực đóng gói ( $4 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 1,5 \text{ m} = 12 \text{ m}^3$ ), bể phốt khu vực nhà bảo vệ ( $1,0 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 1,5 \text{ m} = 3 \text{ m}^3$ ), bể tách mỡ  $5 \text{ m}^3$ , hệ thống xử lý nước thải  $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine, Glucose, PAC,  $\text{NaHCO}_3$  (hoặc các hóa chất khác tương đương) đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đã thỏa thuận với Công ty TNHH VSIP Hải Dương.

\* Công trình xử lý nước thải sản xuất: Không có.

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải được đào tạo chuyên môn liên quan đến hệ thống.
- Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống định kỳ.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống, bơm, van vòi khóa, các thiết bị thổi khí....

- Trang bị các thiết bị dự phòng: 01 bơm chìm, 01 máy sục khí nhằm đảm bảo có thiết bị thay thế ngay nếu thiết bị đang sử dụng gặp trục trặc.

- Khi phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống van xả nước thải sẽ đóng lại và dừng việc xả nước thải ra ngoài môi trường, nước thải được lưu chứa tạm thời tại các bể trong hệ thống để tiến hành khắc phục, sửa chữa. Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, nước thải từ các bể lưu chứa được bơm lại bể gom để tiếp tục quy trình xử lý.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại các bể tại hệ thống thì Cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý trong thời gian khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

01 hệ thống XLNT tập trung công suất thiết kế 100m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu*: 01 mẫu nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải; 01 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tại hố ga sau xử lý.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*

Theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền của Công ty TNHH VSHIP Hải Dương.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng đáp yêu cầu tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nổi nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền; không được phép xả nước thải ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đầu nổi hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Công ty TNHH EHWA GLOBAL chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền.

## Phụ lục II

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 1335/GPMT-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

#### 1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, hơi dung môi phát sinh tại công đoạn sơn và in.
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ hoạt động nung kết (sấy).
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ hoạt động ép lạnh.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ hoạt động ép nóng sử dụng máy Trung Quốc.
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ hoạt động ép nóng sử dụng máy Hàn Quốc.
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ hoạt động mài đĩa.
- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ hoạt động mài tip.
- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ hoạt động mài khuôn (mài cacbon).
- Nguồn số 09: Bụi phát sinh từ hoạt động trộn.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:** 09 dòng bụi, khí thải sau 09 hệ thống xử lý bụi, khí thải của 09 nguồn thải.

#### 2.1. Vị trí xả khí thải

Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ):

STT	Dòng thải	X(m)	Y(m)
1	Dòng thải số 1 - Bụi, hơi dung môi phát sinh tại công đoạn sơn và in	2319362	569813
2	Dòng thải số 2 - Bụi phát sinh từ hoạt động nung kết (sấy)	2319369	569973
3	Dòng thải số 3 - Bụi phát sinh từ hoạt động ép lạnh	2319365	569810
4	Dòng thải số 4 - Bụi phát sinh từ hoạt động ép nóng sử dụng máy Trung Quốc	2319368	569687
5	Dòng thải số 5 - Bụi phát sinh từ hoạt động ép nóng sử dụng máy Hàn Quốc	2319372	569802
6	Dòng thải số 6 - Bụi phát sinh từ hoạt	2319367	569623

	động mài đĩa		
7	Dòng thải số 7 - Bụi phát sinh từ hoạt động mài tip	2319366	569621
8	Dòng thải số 8 - Bụi phát sinh từ hoạt động mài khuôn (mài cacbon)	2319370	569874
9	Dòng thải số 9 - Bụi phát sinh từ hoạt động trộn	2319371	569805

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 144.000 m<sup>3</sup>/h, trong đó:

- Dòng thải số 1: Tối đa 27.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng thải số 2: Tối đa 15.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng thải số 3: Tối đa 10.800 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng thải số 4: Tối đa 30.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng thải số 5: Tối đa 15.000m<sup>3</sup>/h.
- Dòng thải số 6: Tối đa 15.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng thải số 7: Tối đa 7.200m<sup>3</sup>/h.
- Dòng thải số 8: Tối đa 9.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng thải số 9: Tối đa 15.000m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải liên tục 24h/24h (3ca làm việc).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, C<sub>max</sub>: K<sub>p</sub>= 0,8, K<sub>v</sub>=1,0 và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
		QCVN 19:2009/ BTNMT cột B với K <sub>p</sub> = 0,8; K <sub>v</sub> = 1,0	QCVN 20:2009/ BTNMT		
<b>I</b>	<b>Dòng thải số 1</b>				
1	Lưu lượng	-	-	- 1 năm/lần đối với: Etylaxetat và Xylene.	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên
2	Bụi tổng	160	-		
3	Etylaxetat	-	1.400		
4	Xylene	-	870		
<b>III</b>	<b>Dòng thải số 2 đến số 9</b>			- 6 tháng/lần đối với: Lưu lượng và bụi	động, liên
1	Lưu lượng	-	-		



				tổng.	tục theo quy định tại khoản 1 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020
2	Bụi tổng	160	-		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải (hơi dung môi) để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải (hơi dung môi):

- Khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ các dây chuyền sơn được thu về hệ thống xử lý mùi (hấp phụ bằng than hoạt tính) thông qua hệ thống quạt hút.

- Bụi phát sinh từ hoạt động trộn nguyên liệu, ép nóng, ép lạnh, mài, sấy được thu gom trực tiếp về hệ thống xử lý bụi thông qua hệ thống quạt hút.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi

*1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý khí thải (hơi dung môi) từ dây chuyền sơn*

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Hơi dung môi từ dây chuyền sơn → Than hoạt tính hấp phụ → quạt hút → ống phóng khí.

- Công suất thiết kế (công suất quạt hút): 27.000 m<sup>3</sup>/h.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi dung môi của dây chuyền sơn:

+ 01 quạt hút, công suất 33,75 kw, lưu lượng gió: 27.000 m<sup>3</sup>/h.

+ 01 tháp hấp thụ thể tích 19,41 m<sup>3</sup> bằng vật liệu thép SS275, trong đó phần chứa than hoạt tính thể tích 4,87 m<sup>3</sup>.

+ 01 ống phóng khí: Bằng thép SS275, đường kính 550 mm, cao 6,3 m.

+ Đường ống dẫn từ tháp hấp thụ đến quạt hút bằng thép SS400, đường kính 550 mm, dài 3 m.

*1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ hoạt động sấy*

- Tóm tắt quy trình công nghệ

Bụi phát sinh từ hoạt động sấy → quạt hút → tháp dập bụi bằng nước → ống xả bụi.

- Công suất thiết kế (công suất quạt hút): 15.000 m<sup>3</sup>/h.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi
- + 01 tháp xử lý thể tích 10,61 m<sup>3</sup>, vật liệu bằng thép SS400.
- + 01 quạt hút công suất 18,5 kw, lưu lượng: 15.000 m<sup>3</sup>/h.
- + Bể chứa nước thể tích 1,8 m<sup>3</sup>, vật liệu bằng thép SS400.
- + Ống dẫn nước bằng nhựa PVC D60, dài 10 m.
- + 01 máy bơm nước, công suất 2HP, lưu lượng 400 lít/phút.
- + 01 ống phóng khí bằng thép SS400, đường kính D600, cao 3,38 m.

### *1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ hoạt động ép lạnh*

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi phát sinh từ hoạt động ép lạnh → Tháp lọc bụi túi → Quạt hút → ống xả bụi.

- Công suất thiết kế (công suất quạt hút): 10.800 m<sup>3</sup>/h.
- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải:
- + Tháp lọc bụi túi thể tích 10,66 m<sup>3</sup>, vật liệu bằng thép SS275.
- + 01 Quạt công suất 15 kw, lưu lượng gió 10.800 m<sup>3</sup>/h.
- + 28 tấm lọc bằng nhựa PP, mỗi chiếc đường kính 270, dài 1m.
- + Ống dẫn từ hệ thống lọc bụi đến quạt hút bằng thép SS275, đường kính D600, dài 4,5 m.
- + Ống thoát khí bằng thép SS275, đường kính D600, cao 5,54 m.

### *1.2.4. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ hoạt động ép nóng dùng máy Trung Quốc*

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi phát sinh từ hoạt động ép nóng → Quạt hút → Tháp dập bụi bằng nước 1 → Tháp dập bụi bằng nước 2 → ống xả bụi.

- Công suất thiết kế (công suất quạt hút): 30.000 m<sup>3</sup>/h.
- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải:
- + 01 tháp dập bụi 1 thể tích 8,64 m<sup>3</sup>, vật liệu bằng thép SS400.
- + 01 tháp dập bụi 2 thể tích 24,62 m<sup>3</sup>, vật liệu bằng thép SS400.
- + 01 quạt hút công suất 37 kw, lưu lượng 30.000 m<sup>3</sup>/h.
- + 01 bể nước 3 ngăn thể tích 5,04 m<sup>3</sup>, vật liệu SS275.
- + 01 bể nước thể tích 1,57 m<sup>3</sup>, vật liệu SS275.
- + 01 bơm nước công suất 37 kw, lưu lượng 39 m<sup>3</sup>/h.
- + 01 bơm nước công suất 15 kw, lưu lượng 18 m<sup>3</sup>/h.
- + Ống dẫn từ tháp 1 sang tháp 2 bằng thép SS400, D 600, dài 5 m.
- + Ống dẫn nước bằng nhựa PVC, D90, dài 16 m.

+ 01 ống thoát khí bằng thép SS400, D1,1 m, cao 4,12 m.

#### 1.2.5. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ hoạt động ép nóng dùng dùng máy Hàn Quốc

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi phát sinh từ hoạt động ép nóng → Quạt hút → Tháp dập bụi bằng nước → ống xả bụi.

- Công suất thiết kế (công suất quạt hút): 15.000 m<sup>3</sup>/h.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải:

+ 01 tháp dập bụi thể tích 6,5 m<sup>3</sup>, vật liệu bằng thép SS400.

+ 01 quạt hút công suất 18,5 kw, lưu lượng 15.000 m<sup>3</sup>/h.

+ 01 bể nước 3 ngăn thể tích 5,04 m<sup>3</sup>, vật liệu SS275.

+ 01 bể nước thể tích 1,35 m<sup>3</sup>, vật liệu SS400.

+ 01 bơm nước công suất 15 kw, lưu lượng 18 m<sup>3</sup>/h.

+ Ống dẫn nước bằng nhựa PVC, D90, dài 6 m.

+ 01 ống thoát khí bằng thép SS400, D500, cao 4,8 m.

#### 1.2.6. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ hoạt động mài đĩa

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi phát sinh từ hoạt động mài đĩa → Tháp lọc bụi túi → Quạt hút → tháp dập bụi bằng nước → ống xả bụi.

- Công suất thiết kế (công suất quạt hút): 15.000 m<sup>3</sup>/h.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải:

+ 01 tháp lọc bụi túi thể tích 5,97 m<sup>3</sup>, vật liệu bằng thép SS400.

+ 23 túi lọc bằng nhựa PP như nhau; D150, dài 1,3 m.

+ 01 quạt hút công suất 18,5 kw, lưu lượng 15.000 m<sup>3</sup>/h.

+ Tháp dập bụi bằng nước thể tích 8,28 m<sup>3</sup>, vật liệu bằng thép SS400.

+ 01 bể nước thể tích 1,8 m<sup>3</sup>, vật liệu SS400.

+ 01 bơm nước công suất 2HP, lưu lượng 400 lít/phút.

+ Ống dẫn nước bằng nhựa PVC, D90, dài 4 m.

+ Ống dẫn từ tháp lọc bụi đến quạt hút bằng thép SS400, D600, dài 2,5 m.

+ Ống dẫn từ quạt hút đến tháp dập bụi bằng nước có chiều dài 5,6 m, kích thước (0,48 x 0,36) m, vật liệu bằng nhôm.

+ 01 ống thoát khí bằng thép SS400, D600, cao 2,3 m.

#### 1.2.7. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ hoạt động mài tít

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi phát sinh từ hoạt động mài tip → Tháp lọc bụi túi → Quạt hút → ống xả bụi.

- Công suất thiết kế (công suất quạt hút): 7.200 m<sup>3</sup>/h.
- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải:
  - + Tháp lọc bụi túi thể tích 10,5 m<sup>3</sup>, vật liệu bằng thép SS400.
  - + 01 Quạt hút công suất 11,25 kw, lưu lượng gió 7.200 m<sup>3</sup>/h.
  - + 25 tấm lọc bằng nhựa PP, mỗi chiếc đường kính 150 mm, dài 1,3 m.
  - + Ống dẫn từ hệ thống lọc bụi đến quạt hút bằng thép SS400, đường kính D400, dài 0,5 m.
  - + Ống thoát khí bằng thép SS400, đường kính D370, cao 6,75 m.

#### 1.2.8. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ hoạt động mài khuôn

- Tóm tắt quy trình công nghệ:
 

Bụi phát sinh từ hoạt động mài khuôn → Tháp lọc bụi túi → Quạt hút → ống xả bụi.

- Công suất thiết kế (công suất quạt hút): 9.000 m<sup>3</sup>/h.
- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải:
  - + Tháp lọc bụi túi thể tích 5,7 m<sup>3</sup>, vật liệu bằng thép SS275.
  - + 01 Quạt hút công suất 7,5 kw, lưu lượng gió 9.000 m<sup>3</sup>/h.
  - + 30 tấm lọc bằng nhựa PP, mỗi chiếc đường kính 150 mm, dài 1,7 m.
  - + Ống thoát khí bằng thép SS275, đường kính D400, cao 2 m.

#### 1.2.9. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ hoạt động trộn

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi phát sinh → Tháp lọc bụi túi → Quạt hút → ống xả bụi.

- Công suất thiết kế (công suất quạt hút): 15.000 m<sup>3</sup>/h.
- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải:
  - + Tháp lọc bụi túi thể tích 8,9 m<sup>3</sup>, vật liệu bằng thép SS400.
  - + 01 Quạt hút công suất 18,5 kw, lưu lượng gió 15.000 m<sup>3</sup>/h.
  - + 108 tấm lọc bằng nhựa PP, mỗi chiếc đường kính 150 mm, dài 2,5 m.
  - + Ống dẫn từ tháp lọc bụi đến quạt hút bằng thép SS400, D800, dài 3 m.
  - + Ống thoát khí bằng thép SS400, đường kính D800, cao 5,1 m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ năm/lần.

- Vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình đã được xây dựng.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống, bơm, van vòi khóa, các thiết bị lọc bụi, quạt hút

- Trang bị các phụ tùng, chi tiết thay thế dự phòng cho máy bơm, quạt hút, lọc bụi khí nhằm đảm bảo có thiết bị thay thế ngay nếu thiết bị đang sử dụng gặp trục trặc.

- Khi sự cố xảy ra, công nhân vận hành hệ thống ngắt cầu dao để các thiết bị sử dụng điện như máy bơm, quạt hút dừng hoạt động; thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố; thay thế các chi tiết, phụ tùng bị hỏng hóc (trường hợp hỏng hóc nhẹ); thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố (trường hợp hỏng hóc nặng); xác định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

### *2.2.1. Vị trí lấy mẫu*

09 mẫu bụi, khí thải tại ống thải sau các hệ thống xử lý bụi, khí thải.

### *2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*

Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1 Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2 Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH EHWA GLOBAL phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải của nhà máy.

3.3. Công ty TNHH EHWA GLOBAL chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### Phụ lục III

## ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1335/GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

### A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Từ hoạt động của máy trộn, nghiền.
- Nguồn số 2: Từ hoạt động của máy ép lạnh.
- Nguồn số 3: Từ hoạt động của máy ép nóng.
- Nguồn số 4: Từ hoạt động của máy mài và đánh bóng.
- Nguồn số 5: Từ hoạt động của máy hàn laze.
- Nguồn số 6: Quạt hút của các hệ thống xử lý hơi dung môi, bụi tập trung tại tầng 2.
- Nguồn số 7: Quạt hút của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ hoạt động nung kết (tầng 1).
- Nguồn số 8: Quạt hút của hệ thống xử lý bụi từ hoạt động ép nóng sử dụng máy Trung Quốc (tầng 1).
- Nguồn số 9: Quạt hút của hệ thống xử lý bụi từ hoạt động ép nóng sử dụng Hàn Quốc (tầng 1).
- Nguồn số 10: Máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ .

STT	Nguồn phát sinh	X(m)	Y(m)
1	Nguồn số 1: Hoạt động của máy trộn, nghiền.	2315863	569795
2	Nguồn số 2: Hoạt động của máy ép lạnh	2315844	569767
3	Nguồn số 3: Hoạt động của máy ép nóng	2315840	569762
4	Nguồn số 4: Hoạt động của máy mài và đánh bóng	2315866	569790
5	Nguồn số 5: Hoạt động của máy hàn laze	2315853	569771
6	Nguồn số 6: Quạt hút của các	2319365	569810

	hệ thống xử lý hơi dung môi, bụi tập trung tại tầng 2		
7	Nguồn số 7: Quạt hút của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ hoạt động nung kết (tầng 1)	2319369	569973
8	Nguồn số 8: Quạt hút của hệ thống xử lý bụi từ hoạt động ép nóng sử dụng máy Trung Quốc (tầng 1)	2319368	569687
9	Nguồn số 9: Quạt hút của hệ thống xử lý bụi từ hoạt động ép nóng sử dụng máy Hàn Quốc (tầng 1)	2319372	569802
10	Nguồn số 10: Máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải	2315882	569805

### 3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### 3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

#### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng ô tô, xe nâng hàng để đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Tắt tắt cả các thiết bị như xe nâng, ô tô khi không sử dụng.



## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục IV**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1335/GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái</b>	<b>Số lượng (kg/năm)</b>	<b>Mã CTNH</b>
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	3	16 01 06
2	Dầu động cơ, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	260	17 02 03
3	Cặn sơn, vec ni	Rắn	9.401	08 01 01
4	Chất hấp thụ, găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ	Rắn	401	18 02 01
5	Dung môi, chất tẩy rửa	Lỏng	36.639	17 08 03
6	Bao bì cứng bằng nhựa đã chứa CTNH	Rắn	1.502	18 01 03
7	Bao bì cứng bằng kim loại đã chứa CTNH	Rắn	2.122	18 01 02
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	5.850	12 01 04
9	Nước thải sản xuất	Lỏng	360.000	12 01 02
	<b>Tổng</b>		<b>416.178</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

<b>TT</b>	<b>Loại chất thải</b>	<b>Trạng thái</b>	<b>Số lượng (kg/năm)</b>	<b>Mã CTTT</b>
1	Bao bì thùng carton hỏng	Rắn	2.313	18 01 05
2	Vỏ bao bì bằng nhựa không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	26.452	18 01 06
3	Phế liệu là đầu mẫu thép, đầu mẫu dây hợp kim, các chi tiết bằng kim loại hỏng	Rắn	103.712	11 04 03
4	Bụi chứa kim loại	Rắn	1.775	07 03 13
5	Mực in văn phòng	Rắn	6	08 02 06
6	Cao su, viên cao su hỏng	Rắn	4.877	12 08 06
7	Bùn thải thông thường	Lỏng	375.624	07 01 11
	<b>Tổng</b>		<b>514.759</b>	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 63,287 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

### *2.1.1. Thiết bị lưu chứa*

Các loại chất thải nguy hại được phân loại và đựng riêng trong các thùng chứa có dán tên loại chất thải nguy hại.

### *2.1.2. Kho lưu chứa*

- Diện tích kho chứa: 10 m<sup>2</sup>, được bố trí đằng sau khối nhà sản xuất.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nhà có kết cấu khung thép, tường xây gạch, trát vữa, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm, có rãnh thu và hố thu trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ chất thải lỏng, có dán cảnh báo chất thải nguy hại, được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

### *2.2.1. Thiết bị lưu chứa*

- Bố trí 12 thùng là các loại thùng phi dung tích 60 lít đặt tại các khu vực nhà xưởng để tiện phân loại.
- Từng loại chất thải được lưu giữ tại khu vực riêng trong kho chứa tạm và được ngăn cách bằng vạch sơn trên nền kho.

### *2.2.2. Kho chứa*

Kho chứa chất thải thông thường diện tích 15 m<sup>2</sup>, được bố trí đằng sau khối nhà sản xuất. Nhà có kết cấu khung thép, tường xây gạch, trát vữa, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

### *2.3.1. Thiết bị lưu chứa*

- 12 thùng nhựa có nắp đậy loại 28 lít đặt tại các khu vực phát sinh chất thải sinh hoạt như văn phòng, nhà ăn.

*2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:* Khu vực lưu chứa gần nhà bếp, trang bị 02 thùng nhựa có nắp đậy loại 660 lít để chứa tạm thời rác thải sinh hoạt.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## Phụ lục V

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1335/GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.